

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/DS-PT
Ngày 13 - 3 - 2024
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Hà và ông Vũ Duy Luân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình:** Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc *Tranh chấp về thừa kế tài sản*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 83/2023/QĐ-PT ngày 22/11/2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 69/2023/QĐ-PT ngày 13/12/2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 75/2023/QĐ-PT ngày 27/12/2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 09/2024/QĐ-PT ngày 24/01/2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 03/2024/TB-TA ngày 21/02/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đặng Văn A**, sinh năm 1954.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Đặng Văn D**, sinh năm 1984.

Đều có địa chỉ: thôn L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, (ông A vắng mặt, anh D có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Đặng Văn T**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: thôn L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Đặng Thành Đ**, sinh năm 1995.

Đều có địa chỉ: thôn L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (đều có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông **Nguyễn Hữu Ư** và ông **Phan Chính M** – Tư vấn viên pháp luật, Trung tâm Tư vấn pháp luật Học viện Tư pháp.

Địa chỉ: Phòng A, số I, đường T, phường M, quận C, thành phố Hà Nội, (ông M có mặt, ông Ư vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Cụ **Đặng Văn H**, sinh năm 1930.

Địa chỉ: thôn L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, (vắng mặt);

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho cụ H: Ông **Nguyễn Tiên S** - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T, (có mặt).

+ Ông **Đặng Văn H1**, sinh năm 1949.

Địa chỉ: thôn L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, ông H1: Anh **Đặng Văn M1**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: thôn A, xã S, huyện H, thành phố Hà Nội, (có mặt).

+ Bà **Đặng Thị L**, sinh năm 1955.

Địa chỉ: thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông **Đặng Văn T**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: thôn L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, (có mặt).

+ Bà **Hà Thị T1**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: thôn L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, (có mặt);

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông **Nguyễn Hữu Ư** và ông **Phan Chính M** – Tư vấn viên pháp luật, Trung tâm Tư vấn pháp luật Học viện Tư pháp.

Địa chỉ: Phòng A, số I, đường T, phường M, quận C, thành phố Hà Nội, (ông M có mặt, ông Ư vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn – ông **Đặng Văn A**; Bị đơn – ông **Đặng Văn T**; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà **Đặng Thị L**, bà **Hà Thị T1**.

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Yêu cầu khởi kiện và trình bày của nguyên đơn:**

Bố mẹ đẻ ông là cụ Đặng Văn H, sinh năm 1930 và cụ Đặng Thị C, sinh năm 1924 là vợ chồng hợp pháp, cụ H còn sống, cụ C mất ngày 10/8/2006. Hai cụ có 04 người con chung gồm: Ông Đặng Văn H1, sinh năm 1949, ông Đặng Văn A, sinh năm 1954, ông Đặng Văn T, sinh năm 1956 và bà Đặng Thị L, sinh năm 1955; Hai cụ không có con riêng, con nuôi. Cụ C mất không để lại di chúc, có khối tài sản chung với cụ H gồm: Thửa đất số 165, bản đồ 299, diện tích 705m² trong đó: 360m² đất ở, 345m² đất vườn và thửa đất ao số 166 có diện tích 250m².

Tại hồ sơ đo đạc năm 2012 hộ cụ Đặng Văn H có 360m² đất ở, 02 khẩu 652 x 618m²/khẩu = 1.236m²; 2 khẩu 948 x 35m²/khẩu = 70m²; Diện tích vườn quy đổi là 150m². Diện tích ao quy đổi là 88m². Tổng diện tích vườn ao quy đổi là 238m².

Tài sản trên đất có 05 gian nhà cấp 4 xây dựng từ năm 1958 nên đã xuống cấp. Năm 2015 ông Đặng Văn T phá dỡ gian nhà phía Tây để xây mới, ông và ông H1 phá dỡ gian nhà phía Đông để xây nhà thờ chung, còn lại 03 gian ở giữa ông T đang sử dụng.

Sau khi cụ C chết, cụ H là người quản lý tài sản gồm 180m² đất ở, 352m² đất vườn, 125m² đất ao và sinh sống tại gian nhà phía Đông. Do nhà cũ xuống cấp, năm 2018 sau khi bàn bạc, anh chị em trong gia đình thống nhất phá dỡ gian nhà này để xây mới cho cụ H nhưng ông T không đồng ý. Ông T tự chia cho cụ H là 231m² đất, còn lại ông nhận là của ông đồng thời tự ý xây tường ngăn giữa hai phần đất gây bức xúc cho anh em, con cháu. Anh em ông đã báo cáo chính quyền địa phương, UBND xã xuống lập biên bản đình chỉ việc xây dựng nhưng ông T vẫn cố tình làm và cam đoan khi nào Tòa án giải quyết xong thì tự tháo dỡ không đòi hỏi gì nên hiện tại bức tường vẫn đang tồn tại.

Tại biên bản họp gia đình ngày 15/12/2018 (tức ngày 09/11 âm lịch) có chữ ký của anh chị em nhưng thực chất không có buổi họp gia đình nào mà biên bản đó do ông T lập xong đi xin chữ ký của mọi người. Nếu ông T làm đúng theo văn bản này, đừng xây tường ngăn hạn chế việc sử dụng đất và đi lại của bố và anh em con cháu thì anh em cũng cho nhưng ông T làm sai như vậy nên ông không đồng ý cho nữa.

Quan điểm của ông yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của cụ Đặng Thị C để lại là một phần hai các tài sản chung với cụ H gồm: 360m² đất ở; 345m² đất vườn, 250m² đất ao và tài sản trên đất tại thôn L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình để ông được hưởng bằng hiện vật.

Ông đề nghị Tòa án bác bỏ biên bản họp gia đình ngày 15/12/2018 vì vi phạm Nghị định 123/2015/NĐ- CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

Ông không yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ C để lại là đất nông nghiệp.

Đối với tài sản xây dựng trên đất gồm 01 nhà thờ để làm nơi thờ cúng, 01 nhà mái bằng để cù H ở đều do ông và anh trai là ông H1 bỏ tiền ra xây dựng, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Đặng Văn T trình bày:**

Ông nhất trí với nguyên đơn về các thông tin liên quan đến bố mẹ ông, ông cũng xác định bố mẹ ông không có con riêng, con nuôi.

Quá trình chung sống, bố mẹ ông cho ông Đặng Văn A ra ở riêng từ năm 1982, ông Đặng Văn H1 ra ở riêng từ năm 1987, ông là con trai út nên được ở cùng trên đất của bố mẹ từ 1983 đến nay. Mọi nghĩa vụ về thuế, phí ông là người nộp, bố mẹ ông chỉ nộp phần của Hợp tác xã tính từ năm 2021.

Về đất: Khi còn tỉnh táo bố ông đã họp con cháu lại và nói mẹ đã mất, các anh đã có gia đình riêng nên cả nhà thống nhất để lại 9m ngang từ buồng nhà ông sang ngõ ông B; phía Nam là trục thôn; phía Bắc giáp ông H2 để làm nhà thờ chung, không mua bán và chuyển nhượng cho ai, diện tích còn lại từ buồng ông ở phía Bắc giáp ao ông H2; phía Nam là đường trục thôn, phía Tây giáp nhà anh T2 là cho vợ chồng ông. Ông có lập Biên bản họp gia đình khi có đầy đủ mọi người và sau đó cùng thống nhất ký vào biên bản đã họp, không ai có ý kiến gì thêm, bố ông có nói mẹ ông đã mất nên quyền quyết định là ở bố ông và 04 người con đã xong. Mọi người vui vẻ không ai có ý kiến gì về phần đất của mẹ ông. Sau khi có biên bản họp gia đình thì ông đã trực tiếp mang biên bản ra gặp Chủ tịch UBND xã là ông Đỗ Xuân T3 để xin xác nhận. Tuy nhiên ông chưa làm thủ tục sang tên, đăng ký quyền sử dụng đất.

Quan điểm của ông về yêu cầu khởi kiện của ông A: Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông A đòi chia di sản thừa kế của mẹ ông vì bố ông là cù H và các anh chị trong gia đình đã ký cho đất ông và đã được UBND xã đóng dấu vào biên bản họp gia đình ngày 15/12/2018. Ông đề nghị Tòa án căn cứ vào biên bản này đảm bảo quyền lợi cho ông. Hiện bố ông đã 94 tuổi không còn minh mẫn nữa.

Đối với di sản của cù C để lại là đất nông nghiệp ông cũng không yêu cầu giải quyết.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Đặng Thị L trình bày:** Bà nhất trí với nguyên đơn về các thông tin liên quan đến bố mẹ bà, bà cũng xác định bố mẹ bà không có con riêng, con nuôi.

Về việc ông A khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của mẹ bà là cù Đặng Thị C: bà từ chối nhận di sản của cù C và để lại toàn bộ di sản cho ông A, ông H1 và ông T.

*** Người đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên**

quan (cụ H, cụ H1) - anh Đặng Văn M1 trình bày:

Anh là con trai của ông Đặng Văn H1 nên việc xây dựng nhà thờ chung và nhà ở cho cụ H, bố anh và ông A giao cho anh quyền đứng lên lo liệu thiết kế khuôn viên xuất phát từ nguyện vọng của bố anh và ông A xây nhà thờ để con cháu tụ họp và sống hòa thuận đoàn kết, xây nhà ở cho ông nội anh là cụ H để chống dột nát nhưng khi bắt đầu tiến hành thi công thì ông T cung cấp biên bản họp gia đình ngày 15/12/2018 và tự ý chia đất cho ông nội anh có chiều rộng 09m ngang mặt đường thôn, không kéo thẳng vào trong chiều dọc cho vuông vắn mà cứ đo theo công trình hiện có nên phần đất để cụ H ở và làm nhà thờ không vuông vắn mà lồi lõm rất xấu. Mấy anh em, bác cháu có bàn bạc sẽ kéo thẳng để lấy khuôn viên nhà thờ cho đẹp chứ không ai tranh chấp gì nhưng ông T không đồng ý và tự ý chia, tự ý xây tường ngăn dẫn đến khuôn viên phần diện tích đất còn lại của cụ H không được vuông vắn như ý định ban đầu. Vì vậy, ông H1, ông A không đồng ý và đã bàn bạc lại với ông T nhưng ông T cho rằng tại biên bản trên, cụ H và các anh em đã ký cho ông T đất, chỉ để lại 09 m ngang nên ký thế nào ông T thực hiện như vậy, không tháo dỡ tường ngăn và không nói thêm đất trả cụ H. Vì vậy bố anh đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Đặng Thị C theo quy định của pháp luật và chia bằng hiện vật vì mảnh đất rộng rãi đủ để chia; đồng thời đề nghị Tòa án tuyên biên bản họp gia đình ngày 15/12/2018 không có giá trị pháp lý vì mọi người không được thông qua biên bản và không ký trước mặt nhau mà ông T tự soạn thảo rồi đi xin từng người ký.

*** Người bảo vệ quyền lợi, ích hợp pháp cho cụ H trình bày:** Cụ Hiện tuổi đã cao, sức khỏe không tốt, đối với biên bản họp gia đình ngày 15/12/2018, cụ H không biết chữ nên không thể ký vào biên bản họp gia đình được, ngoài ra biên bản họp gia đình này không làm đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và nghị định của Chính phủ về thủ tục công chứng, chứng thực nên đề nghị HĐXX tuyên biên bản này vô hiệu, buộc ông T phải trả lại cho cụ H ½ diện tích đất là tài sản của cụ H và cụ C và đề nghị HĐXX chia di sản của cụ C theo quy định của pháp luật.

*** Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 30/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình đã áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 156, Điều 165, Điều 184, Điều 271, Điều 273, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 122, Điều 213, Điều 459, Điều 502, Điều 503, Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 36 Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ sổ gốc, chứng**

thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng; điểm đ Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Đặng Văn A, chia di sản thừa kế của cụ Đặng Thị C để lại tại thôn L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

2. Xử:

2.1. Giao cụ Đặng Văn H được quyền quản lý, sử dụng diện tích là 319,8m² và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất, cụ thể như sau:

- Ranh giới phía Đông được xác định từ điểm 1, 2, 3, 4 đến điểm 5 có chiều dài 36,07m giáp đường giao thông thôn.

- Ranh giới phía Bắc được xác định từ điểm 22, 34, 35, 36 đến điểm 1 có chiều dài 9,63m giáp đất hộ gia đình ông Đặng Văn H3.

- Ranh giới phía Tây được xác định từ điểm 8, 7, 19, 20, 21 đến điểm 22 dài 37,25m giáp phần đất giao cho ông Đặng Văn T có quyền quản lý, sử dụng.

- Ranh giới phía Nam được xác định từ điểm 6 đến điểm 7 dài 9,22m giáp đường giao thông thôn.

2.2. Giao ông Đặng Văn T được quyền quản lý, sử dụng đất ở, đất trồng cây lâu năm có diện tích là 530,3m² và 03 gian nhà cấp 4 của cụ H, cụ C, cụ thể như sau:

- Ranh giới phía Đông được xác định từ điểm 8, 7, đến điểm 19 có chiều dài 9,90m giáp phần diện tích đất giao cho cụ Đặng Văn H quản lý, sử dụng.

- Ranh giới phía Bắc được xác định từ điểm 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 đến điểm 19 có chiều dài 17,93m giáp diện tích đất giao cho ông Đặng Văn T quản lý, sử dụng.

- Ranh giới phía Nam được xác định từ điểm 8, 9, 10, 11 đến điểm 12 dài 15,17m giáp đường giao thông thôn.

2.3. Giao ông Đặng Văn T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất ao 139,4m², cụ thể như sau:

- Ranh giới phía Đông được xác định từ điểm 8, 7, đến điểm 19 có chiều dài 9,90m giáp phần diện tích đất giao cho cụ Đặng Văn H quản lý, sử dụng.

- Ranh giới phía Bắc được xác định từ điểm 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 đến điểm 19 có chiều dài 17,93m giáp diện tích đất giao cho ông Đặng Văn T quản lý, sử dụng.

- Ranh giới phía Nam được xác định từ điểm 8, 9, 10, 11 đến điểm 12 dài 15,17m giáp đường giao thông thôn.

(Có bản vẽ, đo đạc, sơ đồ, vị trí tọa độ các điểm kèm theo bản án).

3. Buộc ông Đặng Văn T phải thanh toán giá trị đất ở, đất trồng cây lâu năm, đất ao là phần tài sản của cụ H là 70.395.650 đồng và giá trị cụ H được hưởng di sản thừa kế của cụ C là 56.145.523 đồng. Tổng là 126.541.137 đồng.

- Buộc ông T phải thanh toán giá trị phần di sản của cụ C cho ông Đặng Văn H1 và ông Đặng Văn A mỗi người số tiền là 64.786.926 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự.

*** Về kháng cáo:**

- Ngày 09/6/2023, Nguyên đơn – ông Đặng Văn A nộp đơn kháng cáo, đề nghị phần tài sản riêng của cụ H nằm trong khối tài sản chung vợ chồng (của cụ H và cụ C) cũng như kỷ phần thừa kế theo pháp luật (di sản thừa kế của cụ C) phải giao bằng hiện vật cho cụ H. Phần di sản còn lại sẽ chia bằng hiện vật cho tất cả các đồng thừa kế còn lại.

- Ngày 09/6/2023, Bị đơn – ông Đặng Văn T nộp đơn kháng cáo, đề nghị Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận biên bản họp gia đình ngày 15/12/2018 là hợp pháp; bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

- Ngày 09/6/2023, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Đặng Thị L nộp đơn kháng cáo, đề nghị: Bà đồng ý với Biên bản họp gia đình ngày 15/12/2018 để lại 9m ngang giáp nhà anh Đ1 để làm nhà thờ. Phần diện tích đất còn lại thống nhất để lại cho ông Đặng Văn T, bà Hà Thị T1 và đề nghị được giữ nguyên hiện trạng vì cụ H có biết chữ.

- Ngày 12/6/2023, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Hà Thị T1 nộp đơn kháng cáo, đề nghị Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận biên bản họp gia đình ngày 15/12/2018 là hợp pháp, bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

*** Về kháng nghị:**

Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS ngày 10/6/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình kháng nghị một phần bản án dân sự số 04/DSST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, xác định Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết hết yêu cầu khởi kiện của đương sự, chưa xác định hết tài sản liên quan đến di sản, chia di sản thừa kế vượt quá phạm vi di sản, không chia di sản bằng hiện vật làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm, tuyên bố văn bản “*Biên bản họp gia đình về phân phân chia đất hương hỏa gia đình*” ngày 15/12/2018 không có hiệu lực, chia lại thừa kế trong phạm vi di sản của cụ Đặng

Thị C và bảo đảm những người thừa kế là cụ Đặng Văn H và ông Đặng Văn T đều được chia di sản thừa kế bằng hiện vật, đồng thời giải quyết đầy đủ về những tài sản liên quan khi phân chia di sản.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (ông A) là anh Đặng Văn D và đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông H1) là anh Đặng Văn M1 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn, chia di sản thừa kế của cụ C theo quy định của pháp luật và chia bằng hiện vật;

- Người đại diện theo uỷ quyền của Bị đơn – anh Đ trình bày: Thừa đất vợ chồng ông T đang quản lý, sử dụng không phải là di sản thừa kế vì thừa đất này các cụ đã cho ông H1, bà M2, sau đó do ông H1 bà M2 mâu thuẫn với hai cụ nên đã đổi thừa đất này lấy thừa đất khoảng 700m² do vợ chồng ông T tự mua. Biên bản họp gia đình ngày 15/12/2018 do chính cụ H, ông A, bà L, ông T, ông H1 ký nên hoàn toàn hợp pháp. Đầu năm 2023, ông T, bà T1 đã thế chấp quyền sử dụng 240m² đất ONT tại thửa số 110, tờ bản đồ số 33 tại thôn L, xã H, huyện Đ và 01 ngôi nhà mái bằng trên thửa đất này để vay số tiền 300.000.000 đồng tại Quỹ Tín dụng nhân dân Đ2. Vợ chồng ông T chưa trình bày việc thế chấp trên tại Tòa án cấp sơ thẩm.

- Bị đơn và đại diện theo uỷ quyền của bà L (ông T), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà T1), người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà T1 (ông M1) và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cụ H (ông S) đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm, đưa Quỹ tín dụng nhân dân Đ3 vào tham gia tố tụng để giải quyết về hợp đồng thế chấp tài sản liên quan đến thửa đất đang có tranh chấp để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình** phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của Nguyên đơn – ông A, Bị đơn – ông T, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà L, bà T1 gửi đến Tòa án trong thời hạn luật định, ông A, ông T, bà L, bà T1 là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, vì vậy kháng cáo của Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là hợp lệ, được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS ngày 10/6/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình ban hành trong thời hạn luật định là hợp lệ.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông A vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho anh D tham gia tố tụng, cụ H, ông H1 vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho anh M1 tham gia tố tụng, bà L vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng, những người nhận ủy quyền có mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ông Đặng Văn A yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ C để lại trong khối tài sản chung với cụ Đặng Văn H gồm: Thửa số 165 (theo bản đồ 299) có diện tích 705m² trong đó 360m² đất ở, 345m² đất trồng cây lâu năm và các tài sản gắn liền với đất; Thửa số 166 (theo bản đồ 299) có diện tích 250m² đất ao; Ngôi nhà 03 gian hiện ông T, bà T1 đang quản lý sử dụng. Các tài sản trên đều có địa chỉ tại thôn L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Tại biên bản xác minh ngày 08/12/2022, Ủy ban nhân dân xã H cung cấp:

- Theo bản đồ 299, tờ bản đồ số 05, thửa đất số 165 diện tích 705m² (gồm 360m² đất ONT và 345m² đất LNK) mang tên cụ Đặng Văn H; Thửa đất số 166 diện tích 250m² đất ao.

- Theo bản đồ đo đạc hiện trạng năm 1993, tờ bản đồ số 07: Thửa đất 165 đổi tên thành thửa số 42 có diện tích 660m²; Thửa 166 đổi tên thành thửa số 73 có diện tích 265m² loại đất ao đều mang tên cụ Đặng Văn H; được điều chỉnh vào đất nông nghiệp của hộ cụ H trong đó đất ở 360m² còn đất vườn 300m² quy đổi bằng 150m² đất ruộng, đất ao 265m² quy đổi bằng 88m² đất ruộng, tổng diện tích quy đổi là 238m².

- Theo hồ sơ dồn điền đổi thửa năm 2012:

+ Hộ cụ Đặng Văn H được giao tổng diện tích đất nông nghiệp theo Quyết định 652 và 948 là 1306m² (gồm 02 khẩu là cụ H, cụ C); diện tích đất vườn ao quy đổi là 238m², còn lại diện tích được hưởng ra ruộng là 1.068m² đất nông nghiệp. Đất ở 360m².

+ Hộ ông Đặng Văn T được giao diện tích đất nông nghiệp: 04 khẩu 652 là 2.472m²; 05 khẩu 948 là 175m²; Đất ở, đất vườn: Không; Đất ao 362m² quy đổi bằng 121m² (một phần thuộc thửa đất 79, tờ bản đồ số 07 theo bản đồ đo đạc hiện trạng năm 1993) ở vị trí khác không liên quan đến đất nhà cụ H.

- Theo số liệu đo đạc hiện trạng năm 2020-2021:

+ Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 33 tại thôn L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, diện tích 540,3m² loại đất ONT và đất LNK mang tên vợ chồng ông T.

+ Thửa đất số 111, tờ bản đồ số 33 tại thôn L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình có diện tích 325,8m² loại đất ONT và đất LNK mang tên cụ H.

+ Thửa đất số 152 tại thôn L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình có diện tích 136,1m² loại đất ao mang tên vợ chồng ông T.

- Theo số liệu đo đạc hiện trạng Toà án nhân dân huyện Đông Hưng xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/12/2022:

+ Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 33 diện tích 530,3m² ông T đang sử dụng;

+ Thửa đất số 111, tờ bản đồ số 33 diện tích 319,8m² cụ H đang sử dụng.

+ Thửa đất số 152 có diện tích 139,4m² loại đất ao.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/12/2023 và tài liệu nộp kèm theo, Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn – anh Đ trình bày: Đầu năm 2023, ông T và bà T1 đã đề nghị vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân Đ3. Ngày 03/02/2023, Quỹ Tín dụng nhân dân Đ2 đã lập Hợp đồng số 020 thỏa thuận cho vay đối với ông Đặng Văn T, với nội dung Quỹ Tín dụng chấp nhận cho ông T và bà T1 cùng vay số tiền 300.000.000 đồng với mục đích làm nhà, sân, cổng, lãi suất là 12,5%/năm, thời hạn cho vay là 12 tháng từ ngày 04/02/2023 đến ngày 03/02/2024. Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, cùng ngày, ông T bà T1 đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 020/HĐTC với Quỹ Tín dụng nhân dân Đ2. Nội dung: Ông T, bà T1 thế chấp quyền sử dụng 240m² đất ONT tại thửa số 110, tờ bản đồ số 33, địa chỉ tại thôn L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình và 01 ngôi nhà mái bằng diện tích 80m² xây dựng trên thửa đất số 110. Tại Đơn xin xác nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Đặng Văn T, bà Hà Thị T1 đề ngày 03/02/2023, ông T đã đề nghị Ủy ban nhân dân xã H xác nhận 01 ngôi nhà

mái bằng 80m² cùng toàn bộ công trình phụ trên diện tích 240m² đất thổ cư tại thôn L có tứ cận: phía Đông giáp nhà thờ, phía Tây giáp ông C1, phía Nam giáp đường thôn, phía Bắc giáp ông H3 thuộc quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở của gia đình (do gia đình ông T chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), Ủy ban nhân dân xã đã xác nhận ông T, bà T1 có tên trong hồ sơ địa chính và có quyền sử dụng hợp pháp thửa đất số 110 tờ bản đồ số 33, diện tích 240m² tại thôn L, văn bản này có chữ ký của cán bộ địa chính xã và chữ ký, đóng dấu của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã H. Căn cứ vào tài liệu này, Quỹ Tín dụng dân nhân Đông Giang đã lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với ông T, bà T1 để đảm bảo cho khoản vay 300.000.000 đồng. Đến nay, ông T, bà T1 chưa trả khoản tiền gốc nào cho Q Tín dụng nhân dân Đông Giang vì chưa đến hạn trả nợ gốc, còn tiền lãi ông T, bà T1 vẫn trả hàng tháng. Tại Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, ông T, bà T1 chưa trình bày về việc thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở, bởi ông T, bà T1 không hiểu biết về pháp luật về việc vay vốn và thế chấp. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông T bà T1 trình bày mặc dù đã quá thời hạn trả nợ tiền gốc nhưng ông bà vẫn chưa trả được nợ gốc cho Quỹ Tín dụng nhân dân Đ.

Như vậy, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm Bị đơn mới trình bày việc đã thế chấp tài sản đang tranh chấp trong vụ án tại Quỹ Tín dụng nhân dân Đ2, như vậy tại cấp phúc thẩm đã phát sinh tình tiết mới, Tòa án cấp phúc thẩm không thể đưa thêm người tham gia tố tụng và xử lý đối với phần tài sản đã thế chấp vì vi phạm nguyên tắc đảm bảo xét xử sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy: Cần căn cứ khoản 3 Điều 308, điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

Vì hủy bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không giải quyết yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn, bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà L, bà T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 13/3/2024./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND huyện Đông Hưng;
- Chi cục THADS huyện Đông Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hoàn